TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2020/HNGĐ-PT Ngày 31-3-2020 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy

Ông Lê Anh Sơn

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 06/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C; nơi cư trú: Khu Điềm Liêm, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Thị Vân và ông Trần Văn Giang là Luật sư của Công ty Luật TNHH Chu Vân Royal thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Mạnh Ph; nơi cư trú: Thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Thúy là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng, có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt – Chi nhánh Hải Phòng – Phòng iao dịch huyện Vĩnh Bảo (gọi tắt là Ngân hàng Liên Việt), có trụ sở tại: Số 143, khu phố Đông Thái, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Liên Việt: Ông Nguyễn Văn Minh, Giám đốc chi nhánh Phòng giao dịch huyện Vĩnh Bảo, có mặt;

- Bà Đỗ Thị Thủy; nơi cư trú: Thôn Đông, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, có mặt;

- Ông Phạm Minh Tuấn; nơi cư trú: Xã Hiệp Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Chủy; nơi cư trú: Xã Trung Lập, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Anh Đỗ Mạnh Đức; nơi cư trú: Trung Đoàn 910, Trường sỹ quan không quân, Tuy Hòa, Phú Yên (là con của chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Mạnh Ph), vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Đức: Chị Nguyễn Thị C là mẹ đẻ của anh Đức là người đại diện theo uỷ quyền; nơi cư trú: Thôn Điềm Liêm, Thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng (văn bản uỷ quyền ngày 16 /7/2019), có mặt;

- Cháu Đỗ Mạnh Phúc, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2006; nơi cư trú: Thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng (là con của chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Mạnh Ph); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu Phúc: Chị Nguyễn Thị C, nơi cư trú: Khu Điềm Liêm, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng và anh Đỗ Mạnh Ph, nơi cư trú: Thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng là bố và mẹ đẻ của cháu Phúc; có mặt.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C là nguyên đơn và anh Đỗ Mạnh Ph là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Nguyễn Thị C và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị C thống nhất trình bày:

Chị C và anh Đỗ Mạnh Ph kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng từ ngày 06 tháng 10 năm 1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên xúc phạm, không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Mạnh Ph.

Quá trình chung sống, chị và anh Ph có 02 con chung là Đỗ Mạnh Đức, sinh ngày 07 tháng 5 năm 1995 và Đỗ Mạnh Phúc, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2006. Hiện con chung Đỗ Mạnh Đức đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; khi ly hôn chị yêu cầu chị là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Mạnh Phúc. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị tự thoả thuận với anh Ph.

Chị và anh Ph có các tài sản chung gồm: Diện tích 439m^2 đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng được Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 307585 ngày 22 tháng 5 năm 2007, mang tên hộ ông Đỗ Mạnh Ph (gọi tắt là diện tích 439m^2 đất); trên đất có 01 ngôi nhà 01 gian đổ bê tông, 03 gian lợp ngói xây dựng năm 2016; 01 nhà ngang lợp ngói mũi; 01 nhà tắm chung với nhà vệ sinh đổ bê tông; 01 mái lợp tôn và 01 quán lợp Pờ rô xi măng cùng các tài sản khác gồm: Diện tích 200m^2 đất tại thửa đất số 662 (666) 9, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543627 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph (gọi tắt là thửa đất số 662 (666) 9); Diện tích 200m^2 đất tại thửa đất số 662 (666)10, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543629 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph (gọi tắt là thửa đất số 662 (666) 10); Diện tích 200m^2 đất tại thửa đất số 662 (666)11, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543630 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph (gọi tắt là thửa đất số 662 (666) 11). Đối với diện tích 439m^2 đất có nguồn gốc là do vợ chồng chị mua được từ vợ chồng anh Đinh Xuân Hướng, chị Đỗ Thị Thủy (là chị gái và anh rể của anh Ph) với giá là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đã được UBND huyện

Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình chị chứ không phải cấp cho riêng cá nhân anh Ph. Vì vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất này đã ghi là cấp cho "Hộ ông Đỗ Mạnh Ph". Do khi mua, vợ chồng khó khăn nên đã vay của bố đẻ chị là ông Nguyễn Văn Tuấn số tiền 15.000.000 đồng nhưng việc này không viết giấy tờ gì. Sau đó vợ chồng chị đã trả cho vợ chồng chị Thủy, anh Hướng 50.000.000 đồng vào ngày 23 tháng 8 năm 2002. Việc này được thể hiện trong giấy biên nhận viết tay mà chị đã giao nộp cho Tòa án. Còn 03 thửa đất số 662 (666) 9, số 662 (666) 10 và số 662 (666) 11 có nguồn gốc là do vợ chồng chị mua được qua đấu giá của Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất huyện Vĩnh Bảo vào ngày 30 tháng 11 năm 2007. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng được Hội đồng định giá xác định tại thời điểm định giá ngày 05 tháng 9 năm 2018 là 2.401.124.000 đồng, chị đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản và không có ý kiến gì. Khi ly hôn, chị yêu cầu chia toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật, cụ thể: Chia cho chị được hưởng ½ diện tích 439m^2 đất và tài sản trên đất cùng với 02 thửa số 662 (666)10 và 662 (666)11; chia cho anh Ph được hưởng ½ diện tích 439m^2 đất và tài sản trên đất cùng với thửa số 662 (666)9.

Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, UBND huyện Vĩnh Bảo đang thực hiện việc nâng cấp tuyến đường từ xã Tam Đa đi cầu Phao Đăng, trong đó có một phần diện tích đất và một số tài sản nằm trên diện tích 439m^2 đất của vợ chồng chị nằm trong diện giải phóng mặt bằng nên bị thu hồi và thiệt hại. Hiện Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã có Ph án, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho vợ chồng chị về việc này nhưng chị chưa biết cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, chị đã có đơn đề nghị Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo tạm dừng việc chi trả, thanh toán và đề nghị Tòa án chia đôi số tiền này.

Về nợ chung: Chị và anh Ph còn nợ Ngân hàng Liên Việt tổng số tiền là 464.763.000 đồng gồm: Nợ Hợp đồng tín dụng số HDTD3632017138 ngày 21 tháng 12 năm 2017, theo Hợp đồng thế chấp số 104/2017/HĐTCTS/CN Hải Phòng – Phòng giao dịch huyện Vĩnh Bảo, ngày 21 tháng 12 năm 2017; tài sản thế chấp là thửa đất số 6662 (666)10) số tiền vay là 150.000.000 đồng (tính đến ngày 28 tháng 10 năm 2019 còn nợ 95.969.000 đồng); nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD 363201806 ngày 10 tháng 01 năm 2018, theo Hợp đồng thế chấp số 07/2018/HĐTCTS/CN Hải Phòng – Phòng giao dịch huyện Vĩnh Bảo ngày 10 tháng 01 năm 2018; tài sản thế chấp là thửa đất số 6662 (666) 9 và thửa đất số 6662 (666)11), số tiền vay là 350.000.000 đồng (tính đến ngày 28 tháng 10 năm 2019 còn nợ 368.794.000 đồng). Khi ly hôn, chị đề nghị chia đôi số nợ chung này. Do chị đang là người trả Hợp đồng tín dụng số HDTD3632017138 còn anh Ph đang trả Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD363201806 nên chị đề nghị được

tiếp tục trả Hợp đồng tín dụng số HDTD3632017138, còn anh Ph tiếp tục trả Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD363201806.

Về các chi phí tố tụng khác: Do chị là người yêu cầu thành lập Hội đồng định giá và định giá tài sản và chị đã nộp đủ chi phí định giá nên không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn là anh Đỗ Mạnh Ph và Trợ giúp viên pháp lý cùng thống nhất trình bày:

Anh Ph xác nhận về điều kiện, thời gian, hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng và có hai con chung như chị C trình bày là đúng. Anh Ph thuận tình ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung Đỗ Mạnh Phúc. Hiện tại con chung Đỗ Mạnh Đức đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị C tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Anh và chị C có các tài sản chung như chị C trình bày là đúng. Tuy nhiên, anh không đồng ý diện tích 439m^2 đất là tài sản chung của vợ chồng và không đồng ý chia đôi số tài sản này. Vì diện tích đất này có được là chị Đỗ Thị Thủy và anh Đinh Xuân Hướng (là chị gái và anh rể của anh Ph) tặng cho riêng anh chứ không phải do chuyển nhượng như chị C trình bày. Việc này được thể hiện trong biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004, mà anh đã giao nộp cho Tòa án, đến năm 2007, anh đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 22 tháng 7 năm 2007, lại ghi "hộ ông Đỗ Mạnh Ph" là do UBND huyện Vĩnh Bảo ghi không đúng và đã được Phòng tài nguyên và môi trường huyện Vĩnh Bảo giải thích bằng Công văn số 10/TNMT-GCN ngày 01 tháng 3 năm 1019. Khi ly hôn, anh đề nghị chia cho anh được hưởng thửa đất số 662 (666)11 và ½ thửa đất số 662 (666)10. Còn chia cho chị C được hưởng ½ số tài sản trên diện tích 439m^2 đất; 01 thửa đất số 662 (666)9 và ½ thửa đất số 662 (666)10. Tuy nhiên, do anh đang ở trên diện tích 439m^2 đất nên anh đề nghị giao cho anh toàn bộ số tài sản trên diện tích đất này và anh có trách nhiệm hoàn trả bằng tiền cho chị C đối với phần giá trị tài sản chung chị C được chia. Mặt khác, do trên thửa đất số 662 (666)11, anh có làm 01 lán để đồ, trường hợp Tòa án chia cho chị C được hưởng thửa số đất số 662 (666)11 thì anh cũng đồng ý và sẽ tự tháo rỡ lán để trả cho chị C.

Đối với kết quả định giá ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá huyện Vĩnh Bảo, anh đồng ý và không có ý kiến gì.

Về số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất bị thu hồi và phần tài sản bị thiệt hại trên diện tích 439m^2 đất mà UBND huyện Vĩnh Bảo phải chi trả theo anh được biết UBND huyện Vĩnh Bảo đã có Ph án, quyết định bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 345.576.828 đồng, bao gồm: Bồi thường về diện tích đất bị thu hồi là 147.000.000 đồng; bồi thường về tài sản và vật kiến trúc bị thiệt

hại là 198.576.828 đồng. Tuy nhiên, do diện tích 439m^2 đất là tài sản riêng của anh và anh đã hoàn trả cho chị C ½ giá trị tài sản chung của vợ chồng trên đất nên anh chỉ đồng ý hỗ trợ thêm cho chị C 1/3 số tiền bồi thường về tài sản mà Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo chi trả là 198.576.828 đồng : 3 = 66.192.276 đồng (được làm tròn số là 66.192.000 đồng).

Về nợ chung: Anh xác nhận vợ chồng có nợ Ngân hàng Liên Việt tổng số tiền là 464.763.000 đồng như chị C trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh cũng đề nghị chia đôi số nợ chung này như đề nghị của chị C. Hiện do anh là người đang trả nợ cho Ngân hàng Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD363201806, ngày 10 tháng 01 năm 2018, còn chị C đang là người trả nợ cho Ngân hàng Hợp đồng tín dụng số HDTD3632017138, ngày 21 tháng 12 năm 2017. Do đó, anh đề nghị anh và chị C tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng như quan điểm của chị C nêu trên. Đối với số tiền chênh lệch phải trả cho Ngân hàng giữa anh và chị C, anh đề nghị được khấu trừ vào phần tài sản của chị C được chia mà anh phải hoàn lại cho chị C.

Ngoài ra anh và chị C còn nợ chị Đỗ Thị Thủy 180.000.000 đồng, ông Phạm Minh Tuấn 150.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn Chủy 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, do chị Thủy, ông Tuấn, ông Chủy đều là những người thân của anh nên anh tự chịu trách nhiệm trả các khoản nợ này và rút yêu cầu về việc chia khoản nợ của chị Thủy, ông Tuấn, ông Chủy.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Người đại diện của Ngân hàng Liên Việt xác nhận Ngân hàng Liên Việt có cho vợ chồng chị C, anh Ph vay tiền theo 02 Hợp đồng tín dụng và có các tài sản thế chấp như chị C và anh Ph trình bày là đúng. Tính đến ngày 28 tháng 10 năm 2019, chị C và anh Ph còn nợ Ngân hàng Liên Việt tổng số tiền là 464.763.000 đồng gồm: Nợ Hợp đồng tín dụng số HDTD3632017138, ngày 21 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 95.969.000 đồng và nợ Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD363201806, ngày 10 tháng 01 năm 2018 với số tiền là 368.794.000 đồng. Hiện các bên vẫn thực hiện đúng như cam kết trong hợp đồng nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để Ngân hàng cùng với vợ chồng chị C, anh Ph tự thỏa thuận với nhau. Trong trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Bà Đỗ Thị Thủy và người làm chứng là ông Đinh Xuân Hướng trình bày: Bà và ông Hướng là chị gái ruột và anh rể của anh Ph. Năm 1984, vợ chồng ông bà được cấp diện tích đất 460m^2 đất tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo (đến năm 2004 đo chỉ còn 439m^2). Năm 1999, vợ chồng ông bà có đấu giá và mua được 600m^2 đất tại khu vực sân vận động cũ ở đối diện trường cấp 2 xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo nên đã xây nhà và chuyển về đây sinh sống. Sau đó do anh Ph gặp

nhiều khó khăn, không có chỗ ở và gia đình ông bà không có nhu cầu sử dụng diện tích đất 439m^2 đất này nên đến năm 2004, vợ chồng ông bà cùng các con đã họp bàn, thống nhất là chỉ tặng cho riêng anh Ph diện tích đất 439m^2 này và đã được lập thành văn bản có sự chứng kiến của ông Phạm Minh Giám là hàng xóm. Ngoài ra bà Thủy còn cho biết: Ngày 15 tháng 9 năm 2007, bà có cho anh Ph vay số tiền 180.000.000 đồng, lãi suất vay là 01%/tháng, trả lãi theo tháng, còn tiền gốc khi nào cần bà sẽ báo trước 01 tháng và chị C có biết. Nay, do anh Ph tự nhận trả toàn bộ khoản nợ này và đã rút yêu cầu khởi kiện về việc chia khoản nợ đối với bà nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Minh Tuấn trình bày: Ông và vợ chồng anh Ph, chị C là chỗ bạn bè chơi với nhau. Ngày 06 tháng 6 năm 2009, ông có cho anh Ph vay số tiền là 150.000.000 đồng, chị C có biết. Sau đó anh Ph có trả lãi cho ông được mấy năm đầu, đến khi anh Ph bị bệnh đã không trả lãi cho ông nữa. Nay, do anh Ph tự nhận chịu toàn bộ khoản nợ và đã rút yêu cầu khởi kiện về nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Chủy trình bày: Ông và anh Ph là chỗ bạn bè làm ăn với nhau. Ngày 19 tháng 12 năm 2014, ông có cho anh Ph vay số tiền là 100.000.000 đồng mà theo anh Ph bảo với ông là vay để chữa bệnh. Nay, do anh Ph nhận chịu toàn bộ khoản nợ trên nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về giá trị tài sản tranh chấp: Tại thời điểm định giá ngày 05 tháng 9 năm 2018, tổng các tài sản chung của chị C, anh Ph có trị giá là 2.401.124.000 đồng, cụ thể như sau: Diện tích 439m^2 đất có giá trị là 1.756.000.000 đồng, diện tích 600m^2 đất của 03 thửa đất số 662 (666) 9, số 662 (666) 10 và số 662 (666) 11 có tổng giá trị là 300.000.000 đồng; các tài sản và vật kiến trúc trên diện tích 439m^2 đất có tổng trị giá là 345.123.760 đồng.

Vơi nội dung trên, tại Bản án số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 28/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, đã quyết định:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Mạnh Ph.

2.Về con chung: Giao con chung là Đỗ Mạnh Phúc, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2006, cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Chia cho chị C được hưởng 200m^2 đất tại thửa đất số 662 (666) 11, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543630 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph và 100m^2 đất tại thửa đất số 662 (666) 10, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543629 ngày 31 tháng 7 năm 2009 mang tên Đỗ Mạnh Ph (có giới cận: Phía Bắc giáp đường QH có kích thước 4,20m; phía Nam giáp Rãnh thoát nước có kích thước 4,25m; phía Tây giáp thửa đất số 662 (666) 11, phía Đông có kích thước 23,70m. Có sơ đồ kèm theo).

- Chia cho anh Ph được hưởng 200m^2 đất tại thửa đất số 662 (666)9, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543627 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph và 100m^2 đất tại thửa đất số 662 (666) 10, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543629 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph (có giới cận: Phía Bắc giáp đường QH có kích thước 4,25m; phía Nam giáp Rãnh thoát nước có kích thước 4,20m; phía Đông giáp thửa đất số 662 (666) 9, phía Tây có kích thước 4,20m. Có sơ đồ kèm theo).

- Anh Ph được quyền sử dụng và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích 439m^2 đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 307585 ngày 22 tháng 5 năm 2007, mang tên hộ ông Đỗ Mạnh Ph;

- Anh Ph được quyền nhận toàn bộ số tiền đền bù giải phóng mặt bằng do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo chi trả.

- Anh Ph có nghĩa vụ thanh toán cho chị C số tiền là: 172.562.000 đồng (tiền tài sản chung trên diện tích đất 439m^2 mà chị C được hưởng) + 351.200.000 đồng (tiền 20%/tổng giá trị diện tích 439m^2 đất) + 66.192.000 đồng (tiền đền bù giải phóng mặt bằng). Tổng cộng: 589.954.000 đồng - 136.412.500 đồng (là tiền mà anh Ph phải trả cho Ngân hàng Liên Việt phần chênh lệch đối với với số tiền mà chị C phải trả cho Ngân hàng). Anh Ph còn phải thanh toán cho chị C tổng số tiền là 453.532.500 (bốn trăm năm mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

4. Về nợ chung:

- Giao cho chị C phải thanh toán cho Ngân hàng Liên Việt số tiền là 95.969.000 (chín mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng và tiền lãi

phát sinh kể từ ngày 29 tháng 10 năm 2019, của Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD3632017138 ngày 21 tháng 12 năm 2017, cho đến khi thanh toán xong.

- Giao cho anh Ph phải thanh toán cho Ngân hàng Liên Việt số tiền là 368.794.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29 tháng 10 năm 2019, của Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD363201806 ngày 10 tháng 01 năm 2018, cho đến khi thanh toán xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, anh Đỗ Mạnh Ph kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm:

Không tính công sức đóng góp của chị C là 20% đối với quyền sử dụng 439m^2 tại thửa 09, tờ bản đồ 03 toạ lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 307585 của Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 22 tháng 5 năm 2007 mang tên anh Ph. Vì đây là tài sản riêng của anh Ph. Chị C không có công sức đóng góp gì với diện tích đất này;

Tính công sức đóng góp của anh Ph với ba lô đất 662 (666) 9; 662 (666) 10;662 (666) 11 theo hướng chị C được hưởng 30% gía trị 03 lô đất trên và anh Ph được hưởng 70% gía trị 03 lô đất trên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, chị Nguyễn Thị C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Yêu cầu xác định quyền sử dụng 439m^2 đất tại thửa thửa 09, tờ bản đồ 03 toạ lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 307585 của UBND huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 22 tháng 5 năm 2007 mang tên hộ ông Đỗ Mạnh Ph là tài sản chung của vợ chồng và chia đôi quyền sử dụng đất bằng hiện vật theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, anh Đỗ Mạnh Ph có đơn yêu cầu rút kháng cáo.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu rút kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày quan điểm bảo vệ:

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là sai lầm và yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 27 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2004 để xác định diện tích đất 439m^2 là tài sản chung của vợ chồng chị C anh Ph, bởi các căn cứ sau đây: Công văn số 10/TNMT-GCN ngày 01 tháng 3 năm 2019 đã khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Ph là đúng quy định nên không thể nói ghi sai tên. Tòa án sơ thẩm căn cứ vào công văn này để làm chứng cứ xác định diện tích đất 439m^2 tài sản riêng của anh Ph là không đúng. Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ở ghi chuyển quyền sử dụng đất cho gia đình em tôi và đề nghị cấp cho vợ chồng anh Ph nên không thể nói là cho một mình anh Ph. Các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Vĩnh Bảo có hợp đồng thế chấp diện tích đất 439m^2. Do đó, nếu không là tài sản chung thì vợ chồng anh Ph không thể vay vốn được Ngân hàng. Tài sản trên đã được vợ chồng sử dụng chung, và Tòa án đã xác định tài sản trên đất là tài sản chung nên không thể nói quyền sử dụng đất là tài sản riêng. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận Biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004 không có chứng thực theo quy định bắt buộc về việc tặng cho, chuyển nhượng phải có công chứng, chứng thực là vi phạm Điều 129 của Bộ luật Dân sự. Mặt khác, cho rằng Biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004 có hiệu lực thì ngay sau khi vợ chồng anh Ph thế chấp tài sản trên để vay vốn Ngân hàng thì cũng được coi là anh Ph tự nguyện nhập tài sản riêng của mình vào tài sản chung của vợ chồng theo khoản 2 Điều 32 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Biên bản họp gia đình từ năm 2004 nhưng đến năm 2007, vợ chồng ông Hướng bà Thủy mới làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình anh Ph nên việc tặng cho đã kết thúc từ khi có hợp đồng chuyển nhượng.

Chị Nguyễn Thị C trình bày bổ sung: Khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp là căn cứ chứng minh diện tích đất 439m^2 là tài sản chung của vợ chồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm bảo vệ: Đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ở ghi ở phần cuối là đề nghị chuyển quyền sử dụng đất cho gia đình em tôi, nhưng cả nội dung văn bản đều chỉ thể hiện ý chí là chuyển quyền sử dụng đất cho anh Ph, việc xem xét ý chí của người lập văn bản thì phải xem xét toàn bộ văn bản. Ngoài các tài liệu cấp giấy, còn có các tài liệu là Hợp đồng chuyển nhượng, đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, biên bản họp gia đình đều ghi là: bên chuyển nhượng, tặng cho là anh Hướng, chị Thủy, bên nhận chuyển nhượng, tặng cho là anh Ph, chứ không phải là chị C, anh Ph. Luật sư cho rằng tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung, tuy nhiên theo quy định tại Điều 32 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, tài sản được tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân là tài sản riêng. Quyền sử dụng diện tích 439m2 được tặng cho riêng cho anh Ph nên là tài sản riêng của anh Ph. Công văn trả lời của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Bảo đã khẳng định "cấp cho hộ anh Ph là không đúng". Đây không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng đây cũng là nguồn chứng cứ, công văn này là công văn trả lời của cơ quan Nhà nước,

được Tòa án thu thập đúng trình tự thủ tục, nên được coi là chứng cứ. Ngoài Công văn này, Tòa sơ thẩm còn căn cứ vào những chứng cứ khác. Trên hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều ghi người được tặng cho là anh Ph. Việc chuyển quyền được thể hiện bởi hình thức tặng cho, nên trong hồ sơ cấp giấy ghi là hợp đồng chuyển quyền là không sai. Về việc vợ chồng anh Ph sử dụng ổn định diện tích đất này trong thời gian dài và đã thế chấp tại Ngân hàng: Pháp luật quy định rõ khi nhập tài sản riêng vào tài sản chung phải có văn bản có chữ ký của cả hai vợ chồng. Việc anh Ph để chị C ký trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp là do tại thời điểm đó chị C là vợ hợp pháp của anh Ph, không có nghĩa là mặc nhiên thể hiện ý chí của anh Ph là đưa tài sản riêng đó vào tài sản chung vợ chồng.

Anh Đỗ Mạnh Ph trình bày bổ sung: Chị C có biết diện tích đất 439m^2 là tài sản riêng của anh Ph. Khi vay vốn của Ngân hàng Nông nghiệp, do Ngân hàng yêu cầu chị C phải ký vào hồ sơ vay vốn thì Ngân hàng mới cho vay nên anh Ph đã yêu cầu chị C ký vào hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng vay vốn. Toàn bộ khoản nợ đã trả xong. Việc ký hồ sơ thế chấp không có nghĩa là anh nhập tài sản riêng của anh vào tài sản chung.

Bà Đỗ Thị Thủy trình bày quan điểm: Toàn bộ diện tích đất 439m^2 là của vợ chồng bà tặng cho riêng anh Ph và không lấy tiền của anh Ph. Số tiền 50.000.000đồng là tiền của vợ chồng bà bán xe cho vợ chồng anh Ph từ năm 2002, không phải là tiền mua bán đất như lời khai của chị C. Do tặng cho riêng anh Ph nên tại biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004 không có mặt chị C. Khoản nợ của Ngân hàng Nông nghiệp có trong thời gian anh Ph và chị C còn là vợ chồng nên vợ chồng cùng phải ký vào hồ sơ vay vốn theo yêu cầu của Ngân hàng và đó là thủ tục vay vốn của Ngân hàng nên không thể nói là chị C đã ký vào hồ sơ thế chấp và vay vốn thì đó là tài sản chung của vợ chồng. Khi vợ chồng bà làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho anh Ph đã làm đúng theo quy định của pháp luật. Đối với văn bản chuyển quyền sử dụng đất, yêu cầu người bảo vệ cho chị C phải đọc từ đầu mới hiểu hết ý chí của vợ chồng bà là chuyển riêng cho anh Ph, trong văn bản chuyển quyền có từ "gia đình em tôi" chỉ là câu chữ không có ý nghĩa quyết định ý chí của vợ chồng bà. Vợ chồng bà và các con của ông bà đã cho anh Ph từ năm 2004 đến năm 2007 làm thủ tục chuyển quyền cho anh Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đúng quy định. Về nội dung kháng cáo: Chị C và anh Ph đã kháng cáo một phần bản án. Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm, anh Ph đã rút yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, anh Ph vẫn giữ nguyên việc rút yêu cầu kháng cáo. Xét thấy, việc UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy cho hộ anh Ph là sai sót, UBND huyện Vĩnh Bảo đã có công văn trả lời việc

cấp cho anh Ph là đúng, cấp cho hộ anh Ph là không đúng. Và việc ghi ngày tháng là sai sót, nên chỉ cần đính chính lại mà không cần hủy giấy. Việc bản án sơ thẩm công nhận quyền sử dụng diện tích 439m^2 nói trên là tài sản riêng của anh Ph là đúng, và công nhận công sức đóng góp 20% giá trị quyền sử dụng đất này của chị C là hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, đình chỉ việc xem xét kháng cáo của anh Ph, không chấp nhận kháng cáo của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đương sự có yêu cầu ly hôn,tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Vĩnh Bảo nên của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt lần thứ hai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ nhưng đã được tống đạt hợp lệ, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét sự tự nguyện rút đơn kháng cáo của anh Đỗ Mạnh Ph là phù hợp điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của anh Đỗ Mạnh Ph.

[4] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị C cho rằng diện tích đất 439m^2 có nguồn gốc là do vợ chồng chị mua được từ vợ chồng anh Đinh Xuân Hướng, chị Đỗ Thị Thủy với giá là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng đã được Uỷ ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình chị chứ không phải cấp cho riêng cá nhân anh Ph, thấy:

[5] Tại biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004 của gia đình ông Đinh Xuân Hướng và bà Đỗ Thị Thủy có nội dung "gia đình ông Hướng thống nhất tặng riêng cho anh Đỗ Mạnh Ph mảnh đất thuộc khu mặt đường thôn Hòa Đàm, xã Tam Đa, Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Ông Hướng và gia đình thống nhất không lấy tiền của anh Ph". Và theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện Vĩnh Bảo cung cấp thể hiện giữa vợ chồng ông Hướng và anh Ph đã làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất 439m^2 tại thửa đất 09, tờ bản đồ 03, địa chỉ xã Tam Đa huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng đều thể hiện đề nghị cấp cho anh Đỗ Mạnh Ph, không ghi tên chị C. Hai tài liệu chứng cứ trên phù hợp với lời khai của chị C tại phiên tòa phúc thẩm khai biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004 chị C không được tham gia và khi các cơ quan có thẩm quyền của huyện Vĩnh Bảo làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối

với thửa đất 09, chị không biết, không được ký nhận thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Như vậy, lời khai của chị C cùng hai tài liệu nêu trên cho thấy ý chí của vợ chồng ông Hướng bà Thủy về việc xác định diện tích đất 439m^2 được tặng cho riêng anh Ph nên chị C mới không được biết, không được tham gia buổi họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004. Và tại Biên bản họp ngày 25 tháng 01 năm 2004 đã nêu rõ: "Sau thời gian trên, anh Ph có nhu cầu sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lúc nào thì gia đình ông Hướng làm thủ tục cho tặng đúng pháp luật". Vì vậy đến năm 2007, anh Ph làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất là thực hiện đúng nội dung thỏa thuận. Mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ ông Đỗ Mạnh Ph nhưng đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Bảo giải thích tại Công văn số 10/TNMT-GCN ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc ghi sai tên chủ sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: "Giấy chứng nhận diện tích đất ngày 22 tháng 5 năm 2007 đã ghi người sử dụng đất là "Hộ ông Đỗ Mạnh Ph" là không đúng quy định. Về việc không thống nhất giữa ngày, tháng, năm ghi trong giấy chứng nhận diện tích đất với các giấy tờ trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận diện tích đất là sai sót về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận diện tích đất. Tuy nhiên, không làm thay đổi đối tượng sử dụng đất cho nên cần làm thủ tục đính chính lại ngày, tháng, năm trong giấy chứng nhận diện tích đất mà không thu hồi giấy chứng nhận diện tích đất".

[6] Đối với tài liệu là giấy bên nhận giao tiền giữa chị C và ông Đinh Xuân Hướng ngày 23 tháng 8 năm 2002 có nội dung: "Tôi Đinh Xuân Hướng nhận số tiền của cậu Ph là 50.000.000 đồng" là chứng cứ do chị C giao nộp cho thấy nội dung của Giấy biên nhận không có nội dung nhận tiền về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất 439m^2. Năm 2004, gia đình ông Hướng mới họp gia đình để thống nhất tặng cho anh Ph nhưng giấy biên nhận viết từ ngày 23 tháng 8 năm 2002 là không phù hợp về thời gian phát sinh giao dịch. Vì vậy, chứng cứ này không đủ căn cứ chứng minh vợ chồng chị C, anh Ph đã thanh toán, trả tiền cho việc chuyển nhượng diện tích 439m^2 đất cho vợ chồng ông Hướng, bà Thủy.

[7] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C giao nộp hồ sơ cấp tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản diện tích đất 439m^2 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Vĩnh Bảo để chứng minh diện tích đất 439m^2 là tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên các giao dịch trên của vợ chồng chị C được thực hiện trước khi có Công văn số 10/TNMT-GCN ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường, các khoản nợ của chị C và anh Ph theo các hợp đồng trên đã thanh toán xong với Ngân hàng. Tài liệu trên không là căn cứ để coi là anh Ph đã nhập tài sản riêng vào tài sản chung.

[8] Đối với Biên bản họp gia đình ngày 25 tháng 01 năm 2004 về việc tặng cho tài sản không có công chứng, chứng thực nhưng giao dịch trên đã được các bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ của mình, hiện vợ chồng ông Hướng bà

Thủy không có tranh chấp, vẫn thừa nhận đã tặng cho riêng anh Ph nên theo quy định tại Điều 129 của Bộ luật Dân sự, Tòa án công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực.

[9] Từ các chứng cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy trong thời kỳ hôn nhân của anh Đỗ Mạnh Ph và chị Nguyễn Thị C, anh Ph đã được gia đình ông Hướng bà Thủy tặng cho riêng diện tích đất 439m^2 tại thửa đất 09, tờ bản đồ 03, địa chỉ xã Tam Đa huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng theo khoản 1 Điều 32 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, không có căn cứ xác định tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng chị C và anh Ph, cũng như không có căn cứ để xác định anh Ph đã nhập tài sản riêng vào tài sản chung của vợ chồng theo Điều 27, khoản 2 Điều 32 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Và theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tài sản riêng của bên nào thì khi ly hôn vẫn thuộc về bên đó.

[10] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét đến một phần công sức đóng góp của chị C từ năm 2004 đến nay yêu cầu anh Ph thanh toán cho chị C là 20% giá trị diện tích đất trên là đảm bảo quyền lợi cho chị C. Mặt khác, anh Ph đã đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, không kháng cáo nên cần ghi nhận sự việc trên.

[11] Từ các nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[12] Chị C phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm. Anh Ph được miễn án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾ T ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 298, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 27, 32 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào các Điều 33, 56, 59, 62, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 95, Điều 99 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Mạnh Ph.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 53/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Mạnh Ph.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Mạnh Phúc, sinh ngày 01 tháng 3 năm 2006, cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

Chị Nguyễn Thị C được quyền quản lý và sử dụng 200m^2 đất tại thửa đất số 662 (666) 11, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543630 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph và 100m^2 đất tại thửa đất số 662 (666)10, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543629 ngày 31 tháng 7 năm 2009 mang tên Đỗ Mạnh Ph (có giới cận: Phía Bắc giáp đường QH có kích thước 4,20m; phía Nam giáp Rãnh thoát nước có kích thước 4,25m; phía Tây giáp thửa đất số 662 (666)11, phía Đông có kích thước 23,70m, có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Anh Đỗ Mạnh Ph được quyền quản lý, sử dụng 200m^2 đất tại thửa đất số 662 (666) 9, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543627 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph và 100m^2 đất tại thửa đất số 662 (666)10, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 543629 ngày 31 tháng 7 năm 2009, mang tên Đỗ Mạnh Ph (có giới cận: Phía Bắc giáp đường QH có kích thước 4,25m; phía Nam giáp Rãnh thoát nước có kích thước 4,20m; phía Đông giáp thửa đất số 662 (666)9, phía Tây có kích thước 4,20m. Có sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).

Anh Đỗ Mạnh Ph được quyền sử dụng và quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên diện tích 439m^2 đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn Hoa Đàm, xã Tam Đa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, được UBND huyện Vĩnh Bảo

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 307585 ngày 22 tháng 5 năm 2007, mang tên hộ ông Đỗ Mạnh Ph;

Anh Đỗ Mạnh Ph được quyền nhận toàn bộ số tiền đền bù giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Bảo chi trả.

Anh Đỗ Mạnh Ph có nghĩa vụ thanh toán cho chị C số tiền là: 172.562.000 đồng (tiền tài sản chung trên diện tích đất 439m^2 mà chị C được hưởng) + 351.200.000 đồng (tiền 20%/tổng giá trị diện tích 439m^2 đất) + 66.192.000 đồng (tiền đền bù giải phóng mặt bằng). Tổng cộng: 589.954.000 đồng - 136.412.500 đồng (là tiền mà anh Ph phải trả cho Ngân hàng Liên Việt phần chênh lệch đối với với số tiền mà chị C phải trả cho Ngân hàng). Anh Ph còn phải thanh toán cho chị C tổng số tiền là 453.532.500 (bốn trăm năm mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

4. Về nợ chung:

Chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Liên Việt số tiền là 95.969.000 (chín mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29 tháng 10 năm 2019, của Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD3632017138 ngày 21 tháng 12 năm 2017, cho đến khi thanh toán xong.

Anh Đỗ Mạnh Ph có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Liên Việt số tiền là 368.794.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29 tháng 10 năm 2019, của Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD363201806 ngày 10 tháng 01 năm 2018, cho đến khi thanh toán xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Về án phí:

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 41.170.000 đồng án phí chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Chị C đã nộp 12.300.000 (mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 00015908 ngày 27 tháng 02 năm 2018 và số 0001142 ngày 17 tháng 8 năm 2018, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị C còn phải nộp 29.170.000 đồng án phí sơ thẩm.

Miễn án phí chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng cho anh Ph đối với phần được chia.

- Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.0000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng đã nộp tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Vĩnh Bảo theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007923 ngày 28 tháng 11 năm 2019. Chị C đã nộp đủ án phí ly hôn phúc thẩm.

Anh Đỗ Mạnh Ph không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp